

**QUY CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 05B -2012/HĐQT
Ngày 05 tháng 11 năm 2012)*

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Đối tượng, phạm vi áp dụng.

1. Quy chế tài chính được ban hành nhằm cụ thể hóa những nguyên tắc về quản lý tài chính trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Hải Minh (Gọi tắt là HẢI MINH), xây dựng các quy định cụ thể, xác lập mối quan hệ điều hành tài chính về quyền hạn trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty và Chủ tịch, Giám đốc các công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên và Công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần có vốn chi phối của HẢI MINH (Gọi tắt là Công ty thành viên).
2. Công ty cổ phần HẢI MINH có tư cách pháp nhân đầy đủ, thực hiện chế độ hạch toán kế toán độc lập, tự chịu trách nhiệm trong phạm vi Vốn điều lệ Công ty, có các quyền và nghĩa vụ dân sự theo quy định của pháp luật. Công ty chịu sự kiểm tra, giám sát về mặt tài chính kế toán của Ban kiểm soát và các cơ quan quản lý Nhà nước.
3. Quy chế này quy định phương thức quản lý tài chính của HẢI MINH và quản lý vốn góp của HẢI MINH đầu tư vào doanh nghiệp khác. Quy định quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc HẢI MINH, Chủ tịch, giám đốc các công ty thành viên, người đại diện phân vốn trong việc quản lý vốn của Công ty đầu tư vào các doanh nghiệp khác.
4. Các đơn vị trực thuộc, các Công ty thành viên chịu sự kiểm tra giám sát về mặt tài chính kế toán, chịu sự chỉ đạo, quản lý, điều hành, kiểm tra giám sát của HẢI MINH, Ban kiểm soát và các cơ quan quản lý Nhà nước về các hoạt động tài chính của đơn vị theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của HẢI MINH, các quy định cụ thể của Công ty và của các cơ quan Nhà nước.
5. Quy chế này áp dụng đối với Công ty cổ phần Hải Minh, Công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần có vốn góp chi phối của HẢI MINH.

CHƯƠNG II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ.

I. QUẢN LÝ VỐN VÀ SỬ DỤNG VỐN

Điều 2. Vốn điều lệ, vốn góp, cổ phần.

1. Vốn điều lệ của HẢI MINH do các cổ đông đóng góp, được ghi trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
2. Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, trong trường hợp cần thiết Đại hội đồng cổ đông sẽ xem xét sửa đổi, bổ sung Vốn điều lệ trên cơ sở tờ trình của Hội đồng quản trị. Đại hội đồng cổ đông sẽ quyết định loại cổ phần và số cổ phần được chào bán của từng loại.
3. Hội đồng quản trị quyết định giá chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán đã được Đại hội đồng cổ đông quyết định.
4. Vốn điều lệ của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là vốn do HẢI MINH đầu tư kinh doanh được ghi trong Điều lệ công ty TNHH một thành viên. Chủ tịch/Giám đốc Công ty TNHH một thành viên là người trực tiếp nhận vốn đầu tư của HẢI MINH.
5. Vốn góp của Công ty TNHH hai thành viên trở lên, là vốn do HẢI MINH đầu tư kinh doanh được ghi trong Giấy phép kinh doanh và Điều lệ của Công ty TNHH hai thành viên trở lên.
6. Cổ phần của Công ty cổ phần là số lượng cổ phần tương ứng với số vốn do HẢI MINH đầu tư kinh doanh tại Công ty cổ phần.

Điều 3. Quản lý nguồn vốn – quỹ.

1. Công ty cổ phần Hải Minh quản lý các nguồn vốn – quỹ tập trung, Công ty và các Công ty thành viên được toàn quyền sử dụng các nguồn vốn và quỹ đang quản lý vào các hoạt động sản xuất kinh doanh theo nguyên tắc bảo toàn vốn, đúng mục đích và có hiệu quả.
2. Công ty cổ phần Hải Minh và các Công ty thành viên chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về bảo toàn và phát triển vốn. Đảm bảo quyền lợi của những người có liên quan và người lao động thuộc đơn vị.
3. Trường hợp HẢI MINH, Công ty thành viên sử dụng nguồn vốn – quỹ đang quản lý vào các mục đích ngoài quy định thì phải được Hội đồng quản trị xem xét quyết định trên cơ sở Tờ trình của Tổng giám đốc, giám đốc công ty thành viên và phải tuân thủ nguyên tắc hoàn trả. Nếu sử dụng vốn – quỹ để đầu tư xây dựng cơ bản thì phải tuân theo quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản.

Điều 4. Huy động vốn.

1. Các hình thức huy động vốn :
 - a. Công ty được huy động vốn để kinh doanh dưới hình thức phát hành trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu công ty. Vay vốn của tổ chức ngân hàng, tín dụng và các tổ chức tài chính khác, của cá nhân; Vay vốn của người lao động và các hình thức huy động vốn khác mà Nhà nước không cấm.

- b. Công ty thành viên được huy động vốn để kinh doanh dưới hình thức vay vốn của tổ chức ngân hàng, tín dụng và các tổ chức tài chính khác, của cá nhân, người lao động và các hình thức huy động vốn khác mà Nhà nước không cấm.
 - c. Việc huy động vốn để kinh doanh thực hiện theo nguyên tắc tự chịu trách nhiệm hoàn trả, bảo đảm sử dụng vốn huy động có hiệu quả.
 - d. Việc huy động vốn của cá nhân và các tổ chức nước ngoài thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý vay nợ nước ngoài.
2. Thẩm quyền huy động vốn.
 - a. Hội đồng quản trị phê duyệt hạn mức vay vốn trong kế hoạch tài chính hàng năm, quyết định các hợp đồng vay vốn trung hạn, dài hạn và các hình thức huy động vốn khác theo quy định tại Điều lệ công ty.
 - b. Tổng giám đốc quyết định các hợp đồng vay vốn ngắn hạn có giá trị nhỏ hơn 10% vốn điều lệ của Công ty trên cơ sở hạn mức vay vốn đã được Hội đồng quản trị phê duyệt trong kế hoạch tài chính hàng năm và các hợp đồng vay vốn ngắn hạn cho các Công ty thành viên có giá trị từ 20% đến 50% vốn điều lệ của Công ty thành viên. Tổng giám đốc ký các hợp đồng vay vốn trung và dài hạn sau khi có nghị quyết chấp thuận của Hội đồng quản trị.
 - c. Giám đốc các Công ty thành viên quyết định các hợp đồng huy động vốn ngắn hạn có giá trị nhỏ hơn 20% vốn điều lệ công ty thành viên và các hợp đồng vay vốn trung và dài hạn đối với các dự án đầu tư thuộc quyền quyết định của Công ty thành viên theo phân cấp của Hội đồng quản trị HẢI MINH .
 3. Vay vốn của Công ty cổ phần Hải Minh.
 - a. Khi HẢI MINH có thể cân đối được nguồn vốn cho vay, các Công ty thành viên được quyền vay vốn của HẢI MINH để bù đắp vốn kinh doanh thiếu. Việc vay vốn thông qua Hợp đồng vay vốn.
 - b. Tổng giám đốc HẢI MINH quyết định các hợp đồng cho vay, hạn mức vay, lãi suất cho vay đối với các công ty thành viên.
 4. Huy động vốn từ các Công ty thành viên.
 - a. Khi các Công ty thành viên có nguồn vốn nhàn rỗi, HẢI MINH được quyền huy động vốn của các Công ty thành viên để thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trên các cơ sở Hợp đồng vay vốn và mức lãi suất thỏa thuận,
 - b. Tổng giám đốc quyết định các hợp đồng vay vốn trong nội bộ HẢI MINH trên nguyên tắc hiệu quả và có hoàn trả.
 5. Lãi suất huy động.
 - a. Mức lãi suất vay vốn trong nội bộ HẢI MINH không vượt quá mức quy định hiện hành của pháp luật.
 - b. Mức lãi suất vay vốn cá nhân, tổ chức không vượt quá mức lãi suất thị trường các ngân hàng tại thời điểm vay vốn.
 6. Việc huy động vốn phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Tổng giám đốc trực tiếp ký hợp đồng vay vốn trong hạn mức và hợp đồng vay vốn với các dự án được Hội đồng quản trị phê duyệt bằng nghị quyết; Giám đốc các đơn vị thành viên trực tiếp ký hợp đồng vay vốn trong hạn mức vốn vay đã được Hội đồng quản trị phê duyệt bằng nghị quyết.
 7. Tổng giám đốc HẢI MINH và giám đốc các đơn vị thành viên có trách nhiệm quản lý, sử dụng vốn vay và vốn huy động có hiệu quả đúng mục đích và có trách nhiệm hoàn trả vốn và lãi suất theo đúng cam kết trong hợp đồng huy động vốn.

Điều 5. Quản lý các công nợ phải trả.

Công ty cổ phần Hải Minh và Công ty thành viên phải :

- a. Mở đầy đủ sổ sách theo dõi chi tiết các khoản nợ phải trả bao gồm cả các khoản lãi suất phải trả cho từng đối tượng.
- b. Thanh toán các khoản nợ phải trả theo đúng thời gian đã cam kết trong hợp đồng hoặc biên bản đối chiếu hoặc các chứng từ khác đã thỏa thuận. Thường xuyên xem xét, phân tích và dự báo nguồn lực thanh toán các khoản nợ phải trả, có các giải pháp khắc phục kịp thời nhằm hạn chế tối đa các khoản công nợ không có khả năng thanh toán.
- c. Đối với các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ phải hạch toán toàn bộ chênh lệch tỷ giá phát sinh của số dư nợ phải trả vào chi phí kinh doanh trong kỳ để tạo nguồn trả nợ.

Điều 6. Bảo toàn vốn.

Tổng giám đốc, Giám đốc các công ty thành viên có trách nhiệm bảo toàn vốn của các cổ đông và HẢI MINH theo các quy định dưới đây:

- a. Thực hiện đúng chế độ quản lý sử dụng vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính, kiểm toán theo quy định của Nhà nước, Điều lệ của công ty và của Quy chế này.
- b. Mua bảo hiểm theo quy định của pháp luật hiện hành.
- c. Kịp thời sử lý giá trị tài sản tổn thất, các khoản nợ không có khả năng thu hồi theo quy định tại Quy chế này và thực hiện trích lập các quỹ dự phòng rủi ro theo quy định của Nhà nước.
- d. Việc sử dụng các quỹ dự phòng và xác định phương pháp bảo toàn vốn được thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của pháp luật hiện hành.

Điều 7. Đầu tư vốn ra ngoài các doanh nghiệp khác.

1. Thẩm quyền và trách nhiệm đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp.
 - a. HẢI MINH và các Công ty thành viên có quyền sử dụng vốn, tài sản đang quản lý để đầu tư ra ngoài doanh nghiệp trong phạm vi quyền hạn theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.
 - b. Việc đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp phải đảm bảo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn vốn, tăng thu nhập và không làm ảnh hưởng đến mục tiêu hoạt động của Công ty đầu tư.
2. Các hình thức đầu tư ra ngoài các doanh nghiệp khác.
 - c. Góp vốn để thành lập công ty cổ phần, công ty TNHH, công ty hợp danh, công ty liên doanh, công ty liên kết, góp vốn hợp tác kinh doanh không hình thành pháp nhân mới.
 - d. Mua cổ phần hoặc góp vốn tại các công ty cổ phần, công ty TNHH, công ty khác.
 - e. Mua công trái, trái phiếu, cổ phiếu.
 - f. Các hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật.
3. Phân cấp quyết định các dự án đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.
 - a. Hội đồng quản trị quyết định các dự án đầu tư nhỏ hơn 50% vốn chủ sở hữu được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của doanh nghiệp đã được kiểm toán trên cơ sở Tờ trình của Tổng giám đốc.
 - b. Đại hội đồng cổ đông quyết định các dự án đầu tư trên 50% vốn chủ sở hữu được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của doanh nghiệp đã được kiểm toán trên cơ sở Tờ trình của Hội đồng quản trị doanh nghiệp.
 - c. Trường hợp đầu tư liên doanh với đối tác nước ngoài phải thực hiện theo các quy định của Luật đầu tư nước ngoài.
4. Nghiêm cấm tất cả các trường hợp đầu tư hoặc góp vốn vào các doanh nghiệp khác mà người quản lý, điều hành hoặc người sở hữu chính của doanh nghiệp này có quan hệ vợ,

chồng, bố, mẹ, con, anh chị em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, kế toán trưởng HẢI MINH hoặc Công ty thành viên.

5. Hội đồng quản trị quyết định cử người đại diện quản lý hoặc tham gia điều hành các doanh nghiệp có vốn góp trên cơ sở đề xuất của Tổng giám đốc hoặc các thành viên Hội đồng quản trị.
6. Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc đầu tư ra ngoài doanh nghiệp; HẢI MINH và các công ty thành viên chịu trách nhiệm về hiệu quả của việc đầu tư.

II. QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÀI SẢN.

Điều 8. Tài sản cố định và đầu tư tài sản cố định.

1. Tài sản cố định của HẢI MINH và Công ty thành viên bao gồm tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình. Tiêu chuẩn xác định tài sản cố định tuân thủ theo quy định hiện hành của Bộ tài chính.
2. HẢI MINH và Công ty thành viên có quyền đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, mua sắm, sửa chữa nâng cấp tài sản máy móc, trang thiết bị bóc xếp, phương tiện vận tải và các cơ sở vật chất kỹ thuật khác phục vụ mục tiêu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
3. Thẩm quyền quyết định dự án đầu tư và mua sắm tài sản cố định ;
 - a. Đại hội đồng cổ đông quyết định các dự án có tổng mức vốn đầu tư lớn hơn hoặc bằng 50% vốn chủ sở hữu ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của HẢI MINH đã được kiểm toán trên cơ sở tờ trình của Hội đồng quản trị trước Đại hội đồng cổ đông.
 - b. Hội đồng quản trị quyết định các dự án có tổng mức đầu tư từ 10% đến dưới 50% vốn chủ sở hữu ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của HẢI MINH đã được kiểm toán trên cơ sở tờ trình của Tổng giám đốc.
 - c. Tổng giám đốc/Giám đốc các Công ty thành viên được quyền quyết định các dự án đầu tư có tổng mức đầu tư dưới 10% vốn chủ sở hữu ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của HẢI MINH/Công ty thành viên đã được kiểm toán trên cơ sở kế hoạch đầu tư hàng năm đã được Hội đồng quản trị phê duyệt bằng nghị quyết. Đối với đầu tư mua sắm tài sản cố định có liên quan đến đất đai Tổng giám đốc/Giám đốc phải lập phương án trình Hội đồng quản trị phê duyệt trước khi thực hiện.

Điều 9. Khấu hao tài sản cố định.

1. Tất cả tài sản cố định phải được trích khấu hao, bao gồm : Tài sản cố định dùng cho sản xuất kinh doanh, tài sản cố định không cần dùng, tài sản cố định chờ thanh lý...Không được trích khấu hao các tài sản cố định thuộc công trình phúc lợi công cộng nhà ở, những tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn đang sử dụng và tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất.
2. Tổng giám đốc/Giám đốc quyết định tỷ lệ trích khấu hao thống nhất và tuân thủ theo tỷ lệ mức trích tối thiểu theo khung thời gian tối đa quy định của Bộ tài chính.
3. Toàn bộ giá trị khấu hao tài sản cố định để lại doanh nghiệp được để tái đầu tư, thay thế, đổi mới tài sản cố định, mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh và sử dụng cho mục đích kinh doanh , trả nợ đối với tài sản được đầu tư bằng vốn vay.

Điều 10. Cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản cố định.

1. HẢI MINH/Công ty thành viên được quyền sử dụng tài sản đang quản lý để cho thuê, thế chấp, cầm cố theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn theo quy định của pháp luật.
2. Phân cấp thẩm quyền quyết định việc cho thuê tài sản cố định.
 - a. Đại hội đồng cổ đông quyết định các dự án cho thuê tài sản cố định với tổng giá trị lớn hơn hoặc bằng 50% vốn chủ sở hữu ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của HẢI MINH đã được kiểm toán trên cơ sở tờ trình của Hội đồng quản trị trước Đại hội đồng cổ đông.
 - b. Hội đồng quản trị quyết định các dự án cho thuê tài sản cố định có tổng giá trị từ 10% đến dưới 50% vốn chủ sở hữu ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của HẢI MINH đã được kiểm toán trên cơ sở tờ trình của Tổng giám đốc.
 - c. Tổng giám đốc/Giám đốc các Công ty thành viên được quyền quyết định các dự án cho thuê tài sản cố định có giá trị dưới 10% vốn chủ sở hữu ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của HẢI MINH/Công ty thành viên đã được kiểm toán trên cơ sở kế hoạch đầu tư hàng năm đã được Hội đồng quản trị phê duyệt bằng nghị quyết.
3. Phân cấp thẩm quyền quyết định việc sử dụng tài sản để cầm cố, thế chấp để huy động vốn phục vụ mục tiêu sản xuất kinh doanh thực hiện theo Khoản 2 Điều 4 quy chế này.
4. Việc sử dụng tài sản cho thuê, thế chấp, cầm cố phải tuân thủ theo đúng quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ công ty. Đối với những tài sản có tầm ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh chung của HẢI MINH và các Công ty thành viên phải được chấp thuận bằng Nghị quyết của Hội đồng quản trị trước khi thực hiện.

Điều 11. Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn.

1. HẢI MINH và các Công ty thành viên được quyền chủ động và có trách nhiệm nhượng bán, thanh lý các tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng, không sử dụng được hoặc sử dụng không hiệu quả kinh tế hoặc các khoản đầu tư dài hạn không có nhu cầu tiếp tục đầu tư, đầu tư không hiệu quả ... để thu hồi vốn.
2. Thẩm quyền quyết định việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, các khoản đầu tư dài hạn.
 - a. Đại hội đồng cổ đông quyết định thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị còn lại bằng hoặc lớn hơn 50% vốn chủ sở hữu ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
 - b. Tổng giám đốc xây dựng phương án thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư dài hạn, tài sản cố định trình Hội đồng quản trị quyết định đối với các trường hợp :
 - Giá trị tài sản còn lại từ 1 tỷ đồng đến dưới 50% Vốn chủ sở hữu ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán.
 - Hoặc nguyên giá tài sản cố định từ 5 tỷ đồng trở lên.
 - c. Tổng giám đốc quyết định các phương án thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư dài hạn, tài sản cố định như sau :
 - Có giá trị còn lại nhỏ hơn 01 tỷ đồng.
 - Nguyên giá tài sản cố định nhỏ hơn 05 tỷ đồng.
 - d. Chủ tịch/Giám đốc của Công ty thành viên quyết định thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, các khoản đầu tư dài hạn dưới 200 triệu đồng.
 - e. Mức phân cấp trên đây được áp dụng cho từng tài sản cố định riêng biệt hoặc các tài sản cố định có mối quan hệ chặt chẽ với nhau trong một hệ thống được thanh lý tại cùng một thời điểm.

3. Việc thanh lý, nhượng bán tài sản được thông qua tổ chức đấu giá do các Công ty tự tổ chức thực hiện công khai theo đúng trình tự quy định của pháp luật.
4. Vật tư phế liệu thu hồi do thanh lý tài sản nếu được tái sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh thì phải thực hiện đánh giá lại và ghi vào tài sản của công ty cho phù hợp tùy theo giá trị đánh giá lại tài sản đó.
5. Hạch toán thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn được thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ tài chính.

Điều 12. Điều động tài sản nội bộ.

Tổng giám đốc HẢI MINH có quyền quyết định điều động tài sản trong nội bộ Công ty, tài sản giữa các đơn vị trực thuộc căn cứ vào chức năng nhiệm vụ Công ty giao cho các đơn vị.

Điều 13. Kiểm kê tài sản .

1. HẢI MINH và các Công ty thành viên thực hiện kiểm kê, đối chiếu xác định số lượng, chất lượng tài sản trong các trường hợp sau;
 - a. Theo yêu cầu của Hội đồng quản trị Công ty.
 - b. Kiểm kê đối chiếu định kỳ vào ngày 31/12 hàng năm.
 - c. Kiểm kê để thực hiện chia tách, sát nhập, hợp nhất, chuyển đổi chủ sở hữu.
 - d. Kiểm kê theo yêu cầu của các cơ quan chức năng Nhà nước.
2. Khi tiến hành kiểm kê Tổng giám đốc, Giám đốc các công ty thành viên phải thành lập Ban kiểm kê tài sản để xác định chính xác số lượng, chất lượng các tài sản đó.
3. Tài sản thừa, thiếu trong quá trình kiểm kê phải được xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của người có liên quan và xác định khoản bồi thường vật chất theo đúng quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.

Điều 14. Xử lý tài sản tổn thất.

1. Tổn thất về tài sản là toàn bộ tài sản bị mất, thiếu hụt, hư hỏng, kém hoặc mất phẩm chất, lạc hậu về kỹ thuật, tồn kho, ứ đọng trong kỳ kiểm kê định kỳ và kiểm kê đột xuất.
2. Khi phát hiện tài sản tổn thất, Tổng giám đốc, giám đốc đơn vị thành viên phải thành lập Hội đồng xử lý để xác định giá trị đã bị tổn thất, nguyên nhân, trách nhiệm của từng cá nhân, tập thể liên quan và phương án giải quyết trình cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo sự phân cấp tại Quy chế này.
3. Xử lý tổn thất tài sản được thực hiện như sau :
 - a. Tài sản đã mua bảo hiểm thì được xử lý theo hợp đồng bảo hiểm.
 - b. Nếu nguyên nhân do chủ quan thì cá nhân, tập thể gây nên tổn thất phải bồi thường.
 - c. Giá trị tài sản tổn thất sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể, của tổ chức bảo hiểm nếu thiếu được bù đắp bằng quỹ dự phòng tài chính của công ty. Nếu quỹ dự phòng tài chính không đủ bù đắp thì phải hạch toán vào chi phí giá thành trong kỳ sau khi có sự chấp thuận của cơ quan quản lý Nhà nước.
4. Phân cấp xử lý tổn thất.

- a. Đại hội đồng cổ đông HẢI MINH sẽ quyết định tài sản tổn thất có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán sau khi đã được bồi thường từ các tổ chức bảo hiểm nếu có.
- b. Hội đồng quản trị HẢI MINH quyết định tài sản tổn thất có giá trị từ 1 tỷ đồng đến dưới 50% vốn chủ sở hữu được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của Công ty trên cơ sở tờ trình của Tổng giám đốc.
- c. Tổng giám đốc HẢI MINH quyết định mức bồi thường và chịu trách nhiệm về quyết định của mình đối với các khoản tổn thất của :
 - Công ty thành viên có giá trị từ 20 triệu đồng đến 70 triệu đồng sau khi đã được bồi thường từ các tổ chức bảo hiểm nếu có.
 - Có giá trị dưới 1 tỷ đồng sau khi đã được bồi thường từ các tổ chức bảo hiểm đối với tổn thất của HẢI MINH.
- d. Chủ tịch/ Giám đốc Công ty thành viên quyết định mức bồi thường đối với các khoản tổn thất dưới 20 triệu đồng sau khi đã được bồi thường từ các tổ chức bảo hiểm đối với công ty mình quản lý.

Điều 15. Đánh giá lại tài sản.

1. HẢI MINH và các Công ty thành viên thực hiện việc đánh giá lại tài sản trong các trường hợp sau đây :
 - a. Kiểm kê, đánh giá lại tài sản theo quy định và quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
 - b. Dùng tài sản để đầu tư ra ngoài HẢI MINH; Công ty thành viên.
 - c. Đánh giá tăng hoặc giảm tài sản để đảm bảo phù hợp với thực tế giá trị thị trường của tài sản khi có văn bản chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
 - d. Việc đánh giá lại tài sản phải được thực hiện theo đúng các quy định của HẢI MINH và pháp luật. Các khoản chênh lệch tăng hoặc giảm giá trị do đánh giá lại tài sản phải được ghi tăng hoặc giảm nguồn vốn tương ứng hình thành tài sản đó.

III – DOANH THU, CHI PHÍ .

Điều 16. Doanh thu.

1. Doanh thu của HẢI MINH bao gồm : Doanh thu hoạt động kinh doanh, doanh thu hoạt động khác của Công ty và doanh thu của các Công ty thành viên thực hiện. Doanh thu bao gồm :
 - a. Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh: Là doanh thu từ các hoạt động kinh doanh chính của HẢI MINH và các công ty thành viên được ghi trong giấy phép kinh doanh như: Doanh thu về vận tải, doanh thu về khai thác kho, bãi, doanh thu về sửa chữa, doanh thu về đại lý... và doanh thu về các dịch vụ khác.
 - b. Doanh thu hoạt động tài chính: Là doanh thu từ các hoạt động cho thuê tài sản, cho vay vốn, lãi tiền gửi, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ, chiết khấu thanh toán do mua bán hàng hóa, lợi nhuận thu được từ việc đầu tư ra ngoài công ty.
 - c. Thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ thanh lý tài sản, nhượng bán tài sản cố định, tiền bảo hiểm bồi thường, các khoản nợ phải thu đã xóa nợ nay thu hồi được, những khoản nợ phải trả nhưng không tìm thấy chủ nợ được ghi tăng thu nhập, tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng và các khoản thu khác.
 - d. Tổng giám đốc HẢI MINH, Giám đốc công ty thành viên có trách nhiệm quản lý, hạch toán và tự chịu trách nhiệm về nội dung, tính chất của các khoản thu và thu nhập khác phát sinh tại đơn vị theo đúng quy định về hạch toán kế toán của Nhà nước và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và quy chế này.

Điều 17. Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh.

1. Chi phí hoạt động kinh doanh của HẢI MINH và các Công ty thành viên bao gồm :
 - a. Chi phí nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, phụ tùng thay thế ... được tính theo mức tiêu hao thực tế xuất kho nhưng không vượt quá định mức đã được quy định. Trường hợp vượt định mức phải xác định nguyên nhân, trách nhiệm, mức độ bồi thường nếu còn chênh lệch mới được tính vào chi phí.
 - b. Chi phí khấu hao tài sản cố định được tính theo Điều 9 của Quy chế này.
 - c. Chi phí sửa chữa tài sản cố định : Bao gồm chi phí sửa chữa thường xuyên, bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ tài sản cố định được tính theo thực tế phát sinh tại quyết toán sửa chữa của từng hạng mục tài sản cố định.
 - d. Chi phí tiền lương, tiền công, tiền ăn giữa ca, tiền làm tăng ca, tiền làm trong ngày lễ, ngày nghỉ theo quy định, các khoản phụ cấp khác theo quy định của Nhà nước và Công ty phải trả cho người lao động được hạch toán vào chi phí theo đúng quyết định định mức lao động và đơn giá tiền lương đã được Hội đồng quản trị và các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
 - e. Chi phí Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của người lao động theo chế độ hiện hành của Nhà nước.
 - f. Chi phí bảo hiểm tài sản cố định.
 - g. Chi phí mua ngoài bao gồm toàn bộ chi phí phải mua ngoài liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị như : Phí điện, nước; Phí thuê phương tiện vận tải, bốc xếp; Phí thuê kho, bãi; Phí cầu đường, luồng lạch, hoa tiêu, đại lý... được tính theo thực tế phát sinh.
 - h. Chi phí giao dịch, môi giới, tiếp khách, tiếp thị, xúc tiến thương mại, quảng cáo, hội nghị... là những khoản chi phí hợp lý, phát sinh thường xuyên phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng khó xác định được tính theo thực tế phát sinh nhưng không được vượt quá quy định cụ thể của HẢI MINH và các công ty thành viên cũng như quy định của Nhà nước.
 - i. Công tác phí được hạch toán theo quy định của Hội đồng quản trị Công ty và công ty thành viên.
 - j. Chi phí khác bằng tiền như trang bị đồng phục cho người lao động; chi phí đào tạo nâng cao nghiệp vụ, năng lực quản lý, nâng cao tay nghề cho người lao động, chi phí cho công tác y tế, khám bệnh hàng năm theo định kỳ, chi phí nghiên cứu khoa học, chi phí cho lao động nữ... và các chi phí khác phù hợp với quy định quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước.
 - k. Các chi phí trên được tập hợp cho từng loại hình sản xuất kinh doanh, theo từng khoản mục chi phí phù hợp với nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh và được tập hợp theo khoản mục chi phí trực tiếp (Chi phí chung) và Chi phí gián tiếp (Chi phí quản lý) trong các báo cáo tài chính hàng tháng, quý, năm tài chính.

2. Chi phí hoạt động tài chính.

Là các khoản chi phí cho hoạt động mua bán trái phiếu, tín phiếu, cổ phiếu và các khoản chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư ra ngoài công ty ; Lãi huy động vốn; Chênh lệch tỷ giá khi thanh toán; Chi phí cho thuê tài sản; Dự phòng các khoản giảm giá đầu tư dài hạn.

3. Chi phí hoạt động khác.

Là các khoản chi phí liên quan đến hoạt động thu hồi các khoản công nợ đã xóa, thanh lý, nhượng bán tài sản cố định (Kể cả giá trị còn lại của tài sản); Chi để thu tiền phạt; Chi phí phạt hợp đồng kinh tế...

4. Không tính vào chi phí kinh doanh các khoản sau :

- a. Chi phí mua sắm, lắp đặt Tài sản cố định vô hình, tài sản cố định hữu hình.

- b. Các khoản chi phí được tính vào đầu tư xây dựng cơ bản.
 - c. Các khoản chi phí vượt định mức quy định, không có chứng từ hợp lệ.
 - d. Các khoản phạt vi phạm pháp luật không mang danh công ty mà do cá nhân gây ra.
5. Đối với các khoản chi phí vượt định mức quy định, gây tổn thất cho Công ty và Công ty thành viên thì cá nhân nào gây tổn thất cá nhân đó phải chịu trách nhiệm bồi hoàn.
6. Sử lý đối với các khoản chi phí vượt định mức quy định.
- a. Đối với HẢI MINH thì Tổng giám đốc phải giải trình, xác định trách nhiệm của đối tượng liên quan và xây dựng phương án sử lý trình Hội đồng quản trị xem xét và quyết định. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về quyết định sử lý, giải quyết của mình.
 - b. Đối với các Công ty thành viên thì giám đốc phải giải trình, xác định trách nhiệm của đối tượng có liên quan và xây dựng phương án sử lý trình Tổng giám đốc xem xét trình Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 18. Quản lý chi phí.

1. Tổng giám đốc HẢI MINH, giám đốc các Công ty thành viên có trách nhiệm xây dựng các định mức, kỹ thuật, định mức chi phí sản xuất kinh doanh phù hợp trình Hội đồng quản trị phê duyệt để triển khai thực hiện trong toàn Công ty. Các định mức bao gồm :
 - a. Định mức lao động, tiền lương.
 - b. Định mức chi phí môi giới, tiếp khách, tiếp thị, quảng cáo, xúc tiến thương mại. công tác phí...
 - c. Các định mức tiêu hao nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu.
 - d. Các định mức chi phí khác có liên quan.
2. Các định mức phải được thông báo rộng rãi đến người lao động và các cá nhân, tổ chức được hưởng hoặc thực hiện. Tổng giám đốc, giám đốc các Công ty thành viên thường xuyên theo dõi các định mức để quản lý, giám sát và đề xuất các giải pháp quản lý có hiệu quả các định mức được xây dựng.
3. Định kỳ 6 tháng và hàng năm HẢI MINH và các Công ty thành viên phải tổ chức phân tích chi phí sản xuất, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính và các chi phí khác có liên quan và đánh giá việc thực hiện các định mức đã ban hành để có biện pháp tiết kiệm, quản lý và sử dụng các định mức có hiệu quả nhất.
4. Tổng giám đốc, giám đốc các Công ty thành viên có trách nhiệm quản lý, sử dụng hạch toán và chịu trách nhiệm về các khoản chi phí phát sinh tại đơn vị theo quy định tại Quy chế này, của Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và của Pháp luật.

IV. QUẢN LÝ VẬT TƯ – HÀNG HÓA.

Điều 19. Mua vật tư , hàng hóa.

1. Những vật tư phụ tùng, công cụ, dụng cụ sản xuất, nguyên nhiên vật liệu, hàng hóa mua về phải nhập kho theo kế hoạch để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được quản lý theo một quy trình chặt chẽ từ khâu chọn đối tác, chào giá, duyệt giá, ký hợp đồng mua bán, theo dõi hàng đến khi nhập kho. Vật tư hàng hóa mua vào phải đảm bảo nguyên tắc mua đúng chủng loại, chất lượng và giá cả hợp lý tại thời điểm mua sắm nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

2. Vật tư, hàng hóa khi xuất kho đưa vào sử dụng phải đúng mục đích, mở sổ sách theo dõi về chủng loại vật tư, hạch toán chi tiết theo giá cả nhập kho cho từng nghiệp vụ được thể hiện trên phiếu xuất kho là cơ sở để hạch toán chi phí nguyên nhiên vật liệu, phụ tùng thay thế...

Điều 20. Sử lý vật tư hàng hóa tồn kho, chậm luân chuyển.

1. Phải tổ chức kiểm kê vật tư hàng hóa theo định kỳ, phân loại vật tư, phát hiện vật tư hư hỏng, kém phẩm chất, lạc hậu kỹ thuật, vật tư ứ đọng không có nhu cầu sử dụng, chậm luân chuyển và tiến hành thanh lý để thu hồi vốn.
3. Tổng giám đốc và Giám đốc các đơn vị thành viên có trách nhiệm xây dựng và ban hành quy chế về quản lý vật tư, hàng hóa cụ thể trong việc mua bán, hàng tồn kho; định mức tồn kho chậm luân chuyển, kém chất lượng...
4. Công ty HẢI MINH và các Công ty thành viên lập Hội đồng xử lý hàng tồn kho chậm luân chuyển, mất phẩm chất, lạc hậu về kỹ thuật... để xem xét giải quyết theo phân cấp tại quy chế này.
5. Thẩm quyền quyết định sử lý vật tư hàng hóa tồn kho
 - a. Tổng giám đốc xây dựng phương án trình Hội đồng quản trị quyết định đối với vật tư hàng hóa tồn kho đối với lô hàng có giá trị từ 1 tỷ đồng trở lên.
 - b. Tổng giám đốc quyết định thanh lý vật tư hàng hóa tồn kho đối với các lô hàng có giá trị dưới 1 tỷ đồng.
 - c. Giám đốc công ty thành viên xây dựng phương án trình Hội đồng thành viên quyết định đối với vật tư hàng hóa tồn kho đối với lô hàng có giá trị từ 200 triệu đồng trở lên.
 - d. Giám đốc Công ty thành viên quyết định sử lý vật tư, hàng hóa đối với các lô hàng có giá trị dưới 200 triệu đồng.

V. QUẢN LÝ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ.

Điều 21. Quản lý các khoản nợ phải thu.

1. HẢI MINH và các Công ty thành viên có trách nhiệm mở sổ sách theo dõi các khoản nợ phải thu theo từng đối tượng nợ; thường xuyên phân loại các khoản nợ như : nợ luân chuyển, nợ khó đòi, nợ không có khả năng thu hồi..và đôn đốc thu nợ. Đối với các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ phải theo dõi chi tiết từng loại ngoại tệ, cuối kỳ đánh giá và sử lý chênh lệch tỷ giá ngoại tệ theo quy định.
2. Xây dựng và ban hành Quy chế quản lý các khoản nợ phải thu, phân công và xác định rõ trách nhiệm của tập thể cá nhân trong việc theo dõi, thu hồi, thanh toán các khoản công nợ.
3. Nợ thu khó đòi là các khoản nợ quá hạn thanh toán theo quy định ghi trên hợp đồng hoặc cam kết khác hoặc chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ khó có khả năng thanh toán. HẢI MINH và các Công ty thành viên có trách nhiệm trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của Bộ tài chính.

4. Tổng giám đốc, Giám đốc các Công ty thành viên phải lập Hội đồng xử lý để xác định rõ số tiền không có khả năng thu hồi, xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, cá nhân và kiến nghị biện pháp xử lý.
5. HẢI MINH và các Công ty thành viên có trách nhiệm xử lý nợ phải thu không có khả năng thu hồi sau khi trừ tiền bồi thường của cá nhân, tập thể liên quan được bù đắp bằng khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, quỹ dự phòng tài chính, nếu thiếu được hạch toán vào chi phí kinh doanh của đơn vị.
Các khoản nợ thu không có khả năng thu hồi sau khi đã xử lý, các đơn vị vẫn phải theo dõi riêng trên sổ sách kế toán và phản ánh ở tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán theo quy định của Bộ tài chính trong thời hạn tối thiểu là 10 năm kể từ ngày thực hiện xử lý và tiếp tục có các biện pháp để thu nợ. Số tiền thu hồi được sau khi trừ đi các chi phí có liên quan đến việc thu nợ được hạch toán vào thu nhập của đơn vị.
6. HẢI MINH được quyền bán các khoản nợ phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật về mua bán nợ bao gồm cả các khoản nợ phải thu trong hạn, nợ phải thu khó đòi, nợ phải thu không có khả năng thu hồi để thu hồi vốn. Việc bán nợ chỉ được thực hiện đối với các tổ chức kinh doanh có chức năng mua bán nợ, không được bán nợ trực tiếp cho khách nợ. Giá bán các khoản nợ do các bên thỏa thuận và tự chịu trách nhiệm về quyết định bán khoản nợ này.
7. Thẩm quyền xử lý và bán các khoản nợ phải thu khó đòi.
 - a. Đối với các khoản nợ thu khó đòi không thu hồi được có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán thì Đại hội đồng cổ đông sẽ quyết định phương án xử lý trên cơ sở tờ trình của Hội đồng quản trị công ty.
 - b. Hội đồng quản trị HẢI MINH quyết định xử lý, bán các khoản công nợ thu khó đòi có giá trị từ 50 triệu đồng đến dưới 50% vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính gần nhất của công ty đã được kiểm toán.
 - c. Tổng giám đốc HẢI MINH quyết định xử lý các khoản nợ thu khó đòi của Công ty và các công ty thành viên và báo cáo Hội đồng quản trị có giá trị dưới 50 triệu đồng
Giám đốc các Công ty thành viên quyết định xử lý các khoản nợ thu khó đòi có giá trị dưới 20 triệu đồng.

Điều 22. Quản lý nợ phải trả.

1. HẢI MINH và các Công ty thành viên phải mở sổ theo dõi đầy đủ các khoản nợ phải trả gồm cả các khoản lãi phải trả. Đối với các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, kim loại vàng, bạc, đá quý phải mở sổ sách theo dõi theo gốc nguyên tệ, số lượng vàng, bạc, đá quý và giá trị quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán.
2. Thực hiện thanh toán các khoản nợ phải trả theo đúng cam kết. Thường xuyên xem xét, đánh giá, phân tích khả năng thanh toán nợ, phát hiện sớm tình hình khó khăn trong thanh toán nợ để có giải pháp xử lý kịp thời theo pháp luật.
3. Trường hợp phát sinh nợ quá hạn phải xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của cá nhân, tập thể có liên quan để có biện pháp xử lý theo quy định hiện hành.

VI. LỢI NHUẬN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.

Điều 23. Lợi nhuận thực hiện.

1. Lợi nhuận thực hiện trong kỳ báo cáo là lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh và các lợi nhuận khác của HẢI MINH và các Công ty thành viên.
2. Lợi nhuận là khoản chênh lệch giữa Tổng doanh thu và Tổng chi phí của toàn HẢI MINH và các Công ty thành viên trong năm tài chính, bao gồm :
 - a. Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh là khoản chênh lệch giữa Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh và Chi phí cho hoạt động kinh doanh (Chi phí trực tiếp và chi phí quản lý doanh nghiệp) của HẢI MINH , các Công ty thành viên.
 - b. Lợi nhuận từ hoạt động tài chính là khoản chênh lệch giữa Doanh thu tài chính và Chi phí cho hoạt động tài chính,
 - c. Lợi nhuận khác là khoản chênh lệch giữa Doanh thu khác và Chi phí khác của doanh nghiệp.
3. Trường hợp trong năm tài chính bị lỗ, phần lỗ còn lại sau khi dùng quỹ dự phòng tài chính bù đắp, các đơn vị được quyền chuyển toàn bộ lỗ đó sang năm sau theo quy định của luật doanh nghiệp.
4. Lợi nhuận trong năm tài chính (lợi nhuận trước thuế) của HẢI MINH và các Công ty thành viên là lợi nhuận sau khi đã bù đắp lỗ của năm trước chuyển sang và là căn cứ để thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước, phân phối lợi nhuận.
5. Lợi nhuận thực hiện (Lợi nhuận sau thuế) trong năm tài chính của HẢI MINH và các Công ty thành viên là Lợi nhuận sau khi :
 - a. Bù đắp lỗ của năm trước chuyển sang theo quy định của luật doanh nghiệp (nếu có).
 - b. Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

Điều 24. Phân phối lợi nhuận.

Lợi nhuận thực hiện được phân phối như sau :

1. Trích lập các quỹ theo quy định của luật doanh nghiệp bao gồm :
 - a. Quỹ dự phòng tài chính.
 - Được trích từ lợi nhuận sau thuế của toàn công ty. Tỷ lệ trích lập không nhỏ hơn 5% lợi nhuận sau thuế . Tổng số quỹ dự phòng tài chính được trích lập không được vượt quá 10% Vốn điều lệ của HẢI MINH.
 - Quỹ dự phòng tài chính được sử dụng để bù đắp các thiệt hại về mặt tài chính do thiên tai, địch họa, các tổn thất rủi ro trong kinh doanh, tổn thất do sự biến động về kinh tế tài chính trong và ngoài nước...
 - b. Quỹ đầu tư phát triển sản xuất.
 - Được trích từ lợi nhuận sau thuế của toàn công ty. Tỷ lệ trích tối đa hàng năm là 5% lợi nhuận sau thuế.
 - Quỹ đầu tư phát triển sản xuất được sử dụng để tái đầu tư theo mục tiêu đầu tư và kế hoạch của Công ty, bổ sung vốn kinh doanh theo định hướng chiến lược kinh doanh của toàn Công ty.
 - c. Quỹ khen thưởng, phúc lợi.
 - Được trích từ lợi nhuận sau thuế của toàn công ty. Tỷ lệ trích lập không dưới 3% lợi nhuận sau thuế hoặc không vượt quá 1 tháng lương bình quân của cán bộ công nhân viên toàn công ty.

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi của HẢI MINH được phân chia như sau : Quỹ khen thưởng, phúc lợi tập trung tại công ty và Quỹ khen thưởng phúc lợi phân phối cho các đơn vị thành viên.
 - Quỹ khen thưởng được sử dụng khen thưởng cho cá nhân tập thể trong và ngoài công ty có thành tích cao trong lao động, góp phần tích cực đem lại hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và các Công ty thành viên.
 - Quỹ phúc lợi được sử dụng cho các hoạt động phúc lợi công cộng, văn hóa thể thao nhằm nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho người lao động và các mục tiêu xã hội khác trên phạm vi toàn công ty và các Công ty thành viên.
- d. Quỹ khen thưởng Ban điều hành.
- Được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của toàn công ty. Tỷ lệ trích lập hàng năm căn cứ vào kết quả kinh doanh của công ty nhưng không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế.
 - Quỹ khen thưởng Ban điều hành được sử dụng để thưởng Ban điều hành của Công ty cổ phần Hải Minh.
- e. Quỹ khác nếu có.
2. Chia cổ tức.
- a. Lợi nhuận dùng để chia cổ tức là chênh lệch giữa Lợi nhuận sau thuế của HẢI MINH và Trích lập các quỹ thực hiện.
 - b. Công ty thực hiện chi trả cổ tức theo đúng quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và các quy định của pháp luật.

Điều 25. Thẩm quyền quyết định phân phối lợi nhuận.

1. Đối với Công ty cổ phần HẢI MINH :

- Trích lập các quỹ: Trên cơ sở lợi nhuận sau thuế toàn HẢI MINH, Công ty trích lập các quỹ theo đúng quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và pháp luật. Tỷ lệ trích các quỹ cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở tờ trình của Tổng giám đốc và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Chia cổ tức: Đại hội đồng cổ đông thông qua và quyết định mức chia cổ tức hàng năm cho các cổ đông trên cơ sở tờ trình của Hội đồng quản trị công ty.

2. Đối với các Công ty thành viên.

Hội đồng quản trị HẢI MINH thông qua và quyết định việc trích lập và tỷ lệ trích lập các quỹ, tỷ lệ phân chia lợi nhuận tại các Công ty thành viên trên cơ sở tờ trình của Hội đồng thành viên hoặc người đại diện phần vốn góp của Hải Minh tại Công ty thành viên.

VII. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH- CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN THỐNG KÊ VÀ KIỂM TOÁN.

Điều 26. Kế hoạch tài chính.

1. Hàng năm HẢI MINH và các Công ty thành viên tổ chức xây dựng kế hoạch sản xuất – kỹ thuật – tài chính trên cơ sở phân tích chỉ tiêu của năm thực hiện, dự đoán các yếu tố chủ quan, khách quan tác động đến các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm xây dựng kế hoạch. Các chỉ tiêu kế hoạch phải được xây dựng trên cơ sở phù hợp với các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch kỹ thuật, kế hoạch tiền lương, đầu tư xây dựng và các định mức kinh tế kỹ thuật khác. Các chỉ tiêu kế hoạch tài chính là cơ sở, mục tiêu phấn đấu thực hiện của toàn công ty.

2. Các chỉ tiêu kế hoạch tài chính bao gồm :
 - a. Tổng doanh thu : doanh thu từ sản xuất kinh doanh, doanh thu từ hoạt động tài chính, doanh thu khác.
 - b. Tổng chi phí : Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh (Chi phí trực tiếp, chi phí quản lý); Chi phí hoạt động tài chính; Chi phí khác tại các Khoản mục 1,2,3 Điều 17 của quy chế này.
 - c. Lợi nhuận trước và sau thuế.
 - d. Kế hoạch đầu tư và nhu cầu sử dụng vốn
3. Tổng giám đốc hướng dẫn các Công ty thành viên xây dựng kế hoạch tài chính cho năm sau vào tháng 9 năm thực hiện, phù hợp với kế hoạch kinh doanh và các định hướng khác của HẢI MINH. Các Công ty thành viên xây dựng kế hoạch cho năm sau trình Tổng giám đốc phê duyệt vào tháng 10 năm thực hiện.
4. Tổng giám đốc HẢI MINH tổng hợp, xây dựng kế hoạch tài chính năm sau cho toàn Công ty vào tháng 12 năm thực hiện trình Hội đồng quản trị thông qua phê duyệt tạm thời và tạm giao kế hoạch tài chính cho các Công ty thành viên vào tháng 1 năm kế hoạch.
5. Đại hội đồng cổ đông HẢI MINH thông qua và quyết định chính thức kế hoạch tài chính hàng năm của Công ty trên cơ sở tờ trình của Hội đồng quản trị. Tổng giám đốc HẢI MINH giao kế hoạch tài chính chính thức cho các đơn vị thành viên.

Điều 27. Hạch toán kế toán.

1. HẢI MINH và các Công ty thành viên thực hiện chế độ hạch toán kế toán độc lập, tuân thủ đúng quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của đơn vị về chế độ hạch toán kế toán theo pháp luật hiện hành.
2. Phần mềm kế toán được nối mạng trực tiếp và sử dụng thống nhất trong toàn công ty HẢI MINH và các Công ty thành viên và chịu sự quản lý của HẢI MINH.
3. Tổng giám đốc, Giám đốc các đơn vị thành viên có trách nhiệm lập và gửi báo cáo quyết toán định kỳ 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng và cả năm tài chính theo đúng biểu mẫu và thời gian quy định của Công ty và Bộ tài chính, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của số liệu, tính ohù hợp, hợp lý, hợp lệ của các tài liệu trong báo cáo.
4. Tổng giám đốc HẢI MINH chịu trách nhiệm kiểm tra, tổng hợp và lập báo cáo quyết toán hợp nhất cả năm tài chính của toààn HẢI MINH, Thực hiện công khai báo cáo tài chính theo đúng trình tự và thủ tục quy định hiện hành của pháp luật và của Bộ tài chính, Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Điều 28. Kiểm toán báo cáo tài chính.

1. Báo cáo tài chính hàng năm của HẢI MINH và các Công ty thành viên phải được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động tại Việt Nam và được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
2. Việc lựa chọn đơn vị kiểm toán phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trên cơ sở tờ trình của Hội đồng quản trị HẢI MINH.
3. Kết quả kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của HẢI MINH phải được trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG III.
QUẢN LÝ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI
CÁC CÔNG TY TNHH 1 THÀNH VIÊN, CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN,
CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT.

Điều 29. Đối với Công ty TNHH 1 thành viên .

1. Tổng giám đốc HẢI MINH thực hiện quản lý tài chính đối với Công ty TNHH 1 thành viên thông qua Giám đốc Công ty TNHH 1 thành viên do Hội đồng quản trị bổ nhiệm tuân thủ theo Quy chế quản lý tài chính của HẢI MINH và phù hợp với các quy định của pháp luật.
2. Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc Công ty TNHH 1 thành viên chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý, tổ chức và hoạt động theo định hướng, mục tiêu chiến lược chung của HẢI MINH.
3. Công ty TNHH 1 thành viên thực hiện quản lý tài chính theo Quy chế quản lý tài chính của HẢI MINH.

Điều 30. Đối với các công ty TNHH do HẢI MINH đầu tư có vốn góp chi phối.

1. Quản lý tài chính đối với các công ty TNHH mà HẢI MINH không nắm giữ 100% vốn điều lệ được xác lập tại Điều lệ của HẢI MINH; Điều lệ tổ chức, hoạt động, quy chế quản lý tài chính của công ty phù hợp với các quy định của pháp luật.
2. Tổng giám đốc HẢI MINH thực hiện quản lý tài chính đối với các Công ty TNHH thông qua việc cử Người đại diện trực tiếp quản lý phần vốn góp của HẢI MINH được quy định tại Quy chế người đại diện phần vốn của HẢI MINH ban hành hoặc thông qua các thành viên Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị tham gia quản lý , điều hành các công ty TNHH có vốn góp của HẢI MINH.
3. Các Công ty TNHH mà HẢI MINH nắm giữ phần vốn chi phối (51% trở lên) thực hiện tổ chức và hoạt động, quản lý tài chính theo định hướng, mục tiêu chiến lược chung của toàn Công ty cổ phần Hải Minh.
4. Người đại diện phần vốn của Hải Minh tại các công ty TNHH có vốn góp của Công ty thực hiện chức năng, nhiệm vụ tuân thủ theo các quy định tại Quy chế người đại diện và Quy chế quản lý tài chính này của HẢI MINH.

Điều 31. Quản lý tài chính đối với các công ty liên doanh, liên kết.

1. Quản lý tài chính đối với các công ty liên doanh liên kết được xác lập theo Điều lệ của Công ty cổ phần HẢI MINH và Điều lệ tổ chức, hoạt động, quy chế quản lý tài chính của các công ty liên doanh, liên kết.
2. Tổng giám đốc HẢI MINH thực hiện quản lý tài chính đối với các công ty liên doanh, liên kết thông qua việc cử người đại diện trực tiếp quản lý phần vốn góp của HẢI MINH tại các công ty liên doanh, liên kết phù hợp với quy định của Pháp luật, quy chế quản lý Người đại diện phần vốn do HẢI MINH ban hành.
3. HẢI MINH thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp của cổ đông, thành viên góp vốn hoặc thông qua Người đại diện vốn tại các công ty liên doanh, liên kết để quyết định việc phân phối lợi nhuận theo nguyên tắc hiệu quả đầu tư vốn.
4. Người đại diện phần vốn của Hải Minh tại các công ty liên doanh, liên kết thực hiện chức năng, nhiệm vụ tuân thủ theo các quy định tại Quy chế người đại diện và Quy chế quản lý tài chính này của HẢI MINH.

**CHƯƠNG IV.
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 32. Triển khai thực hiện quy chế.

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Chủ tịch / Giám đốc các Công ty TNHH 1 thành viên, người được ủy quyền, Người đại diện tại các doanh nghiệp khác có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này, đồng thời phải thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước.
2. Tổng giám đốc HẢI MINH, Giám đốc các Công ty thành viên chịu trách nhiệm xây dựng quy chế quản lý vốn của công ty mình vào doanh nghiệp khác theo đúng Quy chế này và quy định của pháp luật.
3. Những vấn đề khác không quy định tại Quy chế này được thực hiện theo các văn bản Pháp luật hiện hành.
4. Trong quá trình thực hiện quy chế này nếu có quy định mới của Pháp luật làm thay đổi từng phần hoặc toàn bộ nội dung Quy chế, Hội đồng quản trị có các văn bản khác thay thế mà quy chế này chưa được sửa đổi, bổ sung kịp thời thì mặc nhiên được thực hiện theo Pháp luật hiện hành và các văn bản thay thế.

Điều 33. Kiểm soát thực hiện quy chế,

Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị HẢI MINH chịu trách nhiệm kiểm tra giám sát việc thực hiện các quy định trong Quy chế này đối với Công ty, các Công ty thành viên, Người đại diện phần vốn của HẢI MINH đầu tư vào các doanh nghiệp khác.

Điều 34. Hiệu lực thi hành.

Quy chế này bao gồm 4 Chương, 34 điều và có hiệu lực từ ngày ký.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)**

Phùng Văn Quang